TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 279/2021/DS-PT
Ngày: 20/5/2021
V/v "*Đòi tài sản*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Ý

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Đình Thanh

Ông Phạm Văn Công

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 105/2021/DS-PT ngày 21/01/2021, về việc: "Đòi tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 24/2020/DS-ST ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 787/2021/QĐ-PT, ngày 22 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Thanh H, sinh năm 1959 (vắng mặt);

Địa chỉ: 101 Stanley Road North, Rainhan essex, Rm 13 8 BA, United Kingdom.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1994. Địa chỉ: Ấp R, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh - Văn bản ủy quyền ngày 18 tháng 7 năm 2019 (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Trần Thái M, sinh năm 1957; Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1964 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã V, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người bảo vệ quyền lợi cho bị đơn: Ông Phạm Minh Luận, thuộc Văn phòng luật sư Minh Luận – Đoàn luật sư tỉnh Trà Vinh (có mặt).

Người kháng cáo: Ông Trần Thái M, bà Nguyễn Thị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/12/2019 của nguyên đon ông Phạm Thanh H và người đại diện theo ủy quyền của ông H trình bày:

Năm 1983 ông H xuất cảnh sang định cư ở Anh. Vào khoảng năm 2010 ông H trở về Việt Nam có gặp lại bạn học cũ là ông Trần Thái M.

Năm 2011 ông M có liên lạc với ông H nhờ giúp đỡ do hoàn cảnh gia đình ông M gặp khó khăn và được ông H đồng ý. Ngày 09/9/2011 ông H chuyển khoảng cho ông M số tiền 5.000 Bảng Anh (GBP) và ngày 24/10/2011 ông H tiếp tục chuyển khoản cho ông M số tiền 5.000 Bảng Anh (GBP) thông qua Ngân hàng Santander tại Vương Quốc Anh đến số tài khoản số 7408205022760 của ông Trần Thái M của Ngân hàng Aribank - Chi nhánh huyện C.

Đến năm 2012 ông H tiếp tục chuyển khoản cho ông Trần Thái M số tiền 3.000 Bảng Anh (GBP) thông qua Ngân hàng Western Union (WU). Cùng thời gian đó ông M có liên hệ mượn thêm ông H số tiền 1.000 Bảng Anh (GBP) và ông H cũng đồng ý. Như vậy tổng số tiền mà ông Phạm Thanh H đã chuyển khoản cho ông Trần Thái M là 14.000 Bảng Anh, đã nhiều lần ông H liên hệ ông M yêu cầu trả số tiền trên nhưng ông M không trả.

Nay ông H yêu cầu vợ chồng ông M phải trả số tiền 14.000 Bảng Anh tương đương 420.000.000 đồng.Trong quá trình giải quyết ông H thống nhất rút lại một phần yêu cầu chỉ yêu cầu ông Trần Thái M và bà Nguyễn Thị N trả 10.000 Bảng Anh tương đương 300.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn ông Trần Thái M, bà Nguyễn Thị N và người đại diện theo ủy quyền của ông M, bà N trình bày: Giữa ông Trần Thái M và ông Phạm Thanh H là bạn học năm 1978. Năm 1983 ông H định cư ở Anh Quốc, giữa ông và ông H thường xuyên liên lạc với nhau. Năm 2011 ông H trở về Việt Nam cùng vợ và con trai có đến gia đình ông chơi và gặp con gái ông là Trần Thị Thúy Oanh, hai bên có ý định làm thông gia. Gia đình hai bên có tổ chức cùng nhau đi du lịch, sau đó gia đình ông H về nước Anh có liên hệ với gia đình ông và có thiện chí gửi tặng cho con gái ông một khoản tiền để xây nhà và học Tiếng Anh. Gia đình ông không đồng ý nhận tuy nhiên sau một thời gian ông H thuyết phục nên gia đình ông đồng ý nhận cụ thể là ông H chuyển khoản cho ông tổng cộng 10.000 Bảng Anh vào thời điểm năm 2011; không phải là 14.000 Bảng Anh như ông H trình bày; mục đích ông H tặng cho con gái là chị Trần Thị Thúy Oanh để sử dụng và học tiếng Anh, chứ không phải cho mượn.

Một thời gian sau gia đình ông H không còn liên lạc với gia đình ông.

Nay ông H yêu cầu ông trả số tiền 10.000 Bảng Anh thì ông không đồng ý.

Tại Bản án dân sự số 24/2020/DS-ST ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh quyết định:

Căn cứ vào Điều 26, khoản 1 Điều 37, Điều 48, Điều 203, Điều 227, Điều 273, Điều 477 và Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Thanh H yêu cầu ông Trần Thái M và bà Nguyễn Thị N trả lại số tiền đã mượn là 10.000 Bảng Anh tương đương 300.000.000 đ(Ba trăm triệu đồng).

2. Buộc ông Trần Thái M và bà Nguyễn Thị N có trách nhiệm hoàn trả cho ông Phạm Thanh H (HUONG PHAM) số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng).

3. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Đình chỉ xét xử một phần đối với yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Thanh H về việc yêu cầu ông Trần Thái M và bà Nguyễn Thị N trả lại số tiền 4,000 Bảng Anh.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định. Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 01/12/2020, ông M bà N kháng cáo yêu cầu sửa án theo hướng không chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông M, bà N giữ nguyên kháng cáo và các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án. Người bảo vệ quyền lợi cho ông M, bà N cho rằng ông H khởi kiện đòi tiền của ông M, bà N nhưng không cung cấp được chứng cứ thể hiện là tiền mượn; số tiền ông H gửi về cho ông M là tài sản chung của vợ chồng ông H nhưng tòa án cấp sơ thẩm không đưa vợ ông H vào tham gia tố tụng, trong khi có đoạn ghi âm vợ ông H nói đây không phải tiền mượn; Tòa án cấp sơ thẩm cũng chưa thu thập tài liệu có liên quan đến số tiền ông H gởi về cho ông M, nên Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, đề nghị hủy án sơ thẩm.

Người đại diện theo ủy quyền của ông H cho rằng bản án sơ thẩm xét

xử đúng pháp luật; đề nghị bác đơn kháng cáo, giữ y bản án sơ thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh: Về tố tụng, người tiến hành tố tụng và các đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung kháng cáo, tại phiên tòa ông M, bà N xác nhận năm 2011 đã nhận của ông H 10.000 Bảng Anh được chuyển khoản từ nước ngoài về, phù hợp việc xin gia hạn trả nợ nên Tòa án cấp sơ thẩm xét xử đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử bác đơn kháng cáo của ông M, bà N; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Tòa án nhận định:

Đơn kháng cáo của ông Trần Thái M, bà Nguyễn Thị N đúng theo quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1]. Theo đơn khởi kiện của ông Phạm Thanh H, Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là quan hệ dân sự về việc: "Tranh chấp đòi tài sản" là đúng quan hệ tranh chấp; có đương sự là người nước ngoài, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh, được quy định khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 470 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Xét đơn kháng cáo của ông M, bà N cho rằng số tiền 10.000 Bảng Anh ông H chuyển cho ông M là tiền ông H tặng cho con gái của ông học tiếng Anh và sửa nhà để sau này tổ chức đám cưới cho hai con; chứ không phải tiền mượn nên không đồng ý trả cho ông H thì thấy:

[2.1]. Theo tài liệu người đại diện ông H cung cấp là hai Biên lai chuyển tiền 10.000 Bảng Anh của ông H cho ông M vào ngày 10/9/2011 và ngày 24/10/2011 (BL: 06 đến 10), không thể hiện ông H chuyển tiền cho ông M mượn hay cho; 04 đoạn Video ghi âm, ghi hình ông M, bà N không thừa nhận mượn tiền của ông H và hai bên cũng không yêu cầu giám định nên chưa đủ cơ sở để xác định số tiền trên, ông H chuyển về cho ông M, bà N mượn.

[2.2]. Theo tài liệu Tòa án cấp sơ thẩm thu thập thì năm 2011, ông H cùng vợ là bà Thùy và con trai Bush Phạm về Việt Nam đã cùng gia đình ông M, bà N và con gái là Trần Thị Thúy Oanh đi du lịch chung; ông M cung cấp hai tấm hình, thể hiện bà Thùy và con trai Bush Phạm có đi du lịch và chụp hình chung với Trần Thị Thúy Oanh con gái của ông M là có thật (BL: 74, 75). Đồng thời, đối chiếu với chứng từ ông H chuyển tiền cho ông M, là sau thời gian gia đình ông H về Việt Nam đi du lịch chung. Mặt khác, thực tế Trần Thị Thúy Oanh có

đi học thêm tiếng Anh; ông M, bà N có sửa lại nhà nên Hội đồng xét xử thấy: Xuất phát từ chỗ giữa ông H và ông M là bạn cũ, hai bên có hứa hẹn làm thông gia, nên ông H có chuyển tiền cho ông M, mục đích để con gái ông M, bà N học thêm tiếng Anh và sửa lại nhà sau này làm đám cưới như đơn kháng cáo của ông M, bà N trình bày là phù hợp. Do đó, có căn cứ xác định 10.000 Bảng Anh ông H chuyển cho ông M là tiền tặng cho, chứ không phải tiền mượn.

[3]. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy đơn kháng cáo của ông M, bà N phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận; quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận. Do đó, sửa bản án sơ thẩm, bác đơn khởi kiện của ông H nên ông H phải chịu án phí sơ thẩm; ông M, bà N không phải chịu án phí phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

I. Chấp nhận đơn kháng cáo của ông Trần Thái M, bà Nguyễn Thị N; Sửa Bản án sơ thẩm số: 24/2020/DS-ST ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh như sau:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 470 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Phạm Thanh H về việc yêu cầu ông Trần Thái M và bà Nguyễn Thị N trả lại số tiền đã mượn là 10.000 Bảng Anh tương đương 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) Việt Nam.

2. Đình chỉ xét xử một phần đối với yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Thanh H về việc yêu cầu ông Trần Thái M và bà Nguyễn Thị N trả lại số tiền 4.000 Bảng Anh.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm Thanh H phải chịu 300.000 đồng; khấu trừ số tiền 10.400.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số

0007505 ngày 12/12/2019 tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Trà Vinh. Hoàn trả cho ông Phạm Thanh H 10.100.000 đồng.

II. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Thái M, bà Nguyễn Thị N không phải chịu. Hoàn trả cho ông M, bà N mỗi người 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0003792 ngày 04/12/2020 và Biên lai thu số 0003795 ngày 10/12/2020 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Trà Vinh.

III. Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TANDTC (1)
- VKSND cấp cao tại TP.HCM (1);
- TAND tỉnh Trà Vinh (1);
- VKSND tỉnh Trà Vinh (1);
- Cục THADS tỉnh Trà Vinh (1);
- Đương sự (2)
- Lưu VP (1), HS 6), (14b)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Văn Ý